

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
KINH
DOANH VÀ
ĐẦU TƯ
VIỆT HÀ**

Digitally signed
by CÔNG TY CỔ
PHẦN KINH
DOANH VÀ ĐẦU
TƯ VIỆT HÀ

Date: 2020.03.30
15:29:19 +07'00'

Tháng 03 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Văn phòng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 26/06/2019)
Ông Vương Đỗ Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 26/06/2019)
Ông Mai Xuân Sơn	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Hồng Loan	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Linh	Thành viên Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Kim Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2019)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Phạm Kim Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 08/07/2019)
Ông Vương Đỗ Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 08/07/2019)
Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Văn phòng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng Ban Lãnh đạo Công ty cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo Công ty, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty,



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương
Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787

Website: www.vaco.com.vn

Số: 147/VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Văn phòng Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (gọi tắt là “Văn phòng Công ty”), được lập ngày 27 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Văn phòng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Văn Phòng tại Tp. Hồ Chí Minh
Lầu 6, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng tại Tp. Đồng Nai
Số 79 Đ. Hà Huy Tập, P. Quyết Thắng
Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560
Fax: (84-251) 382 8560

Văn Phòng tại Tp. Hải Phòng
Tầng 4, số 19, Đ. Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ
Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-225) 353 4655
Fax: (84-225) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Như trình bày tại Thuyết minh số 29 - Thuyết minh báo cáo tài chính: Công ty đã trình bày lại số lỗ còn được chuyển 6 tháng cuối năm 2017 và năm 2018 theo Kết luận thanh tra thuế số 97157/KL-CT-TKT6 ngày 27/12/2019 tại Công ty con của Công ty - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà và xác định giảm số lỗ được chuyển của năm 2018 với số tiền là 8.493.807.224 VND theo Quyết định số 47939/QĐ-CT-TKT4 ngày 20/06/2019 và Biên bản kiểm tra thuế ngày 14/06/2019 của Cục thuế Thành phố Hà Nội. Công ty sẽ giải trình vấn đề này với Cơ quan thuế trong thời gian tới.

Chúng tôi xin lưu ý đến người đọc đến Thuyết minh số 3 - Thuyết minh báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính kèm theo được lập dựa trên số liệu phát sinh tại Văn phòng Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà và chưa bao gồm số liệu phát sinh tại Nhà máy nước tinh khiết Opal. Báo cáo tài chính kèm theo cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính của Nhà máy nước tinh khiết Opal và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà. Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty được lập cho mục đích quản trị nội bộ và không được sử dụng như một đơn vị kinh doanh có tư cách pháp nhân đầy đủ trong việc cung cấp cho bên thứ ba, và cho mục đích khác.



Lê Xuân Thăng

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0043-2016-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Phương Lan

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0917-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		394.527.059.081	384.072.027.635
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.735.768.633	13.040.145.600
1. Tiền	111		5.035.768.633	6.040.145.600
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.700.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	353.000.000.000	337.400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		353.000.000.000	337.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.103.938.744	18.262.666.923
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	3.829.848.396	4.897.157.638
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.202.687.012	816.294.225
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	26.976.946
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	15.601.318.701	15.550.007.676
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.529.915.365)	(3.027.769.562)
IV. Hàng tồn kho	140	10	2.084.754.655	2.622.506.484
1. Hàng tồn kho	141		2.427.250.365	2.965.002.194
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(342.495.710)	(342.495.710)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.602.597.049	12.746.708.628
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	480.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.378.107.660	2.437.738.724
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	9.224.009.389	10.308.969.904
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		398.969.193.710	400.986.376.753
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.414.787.664	11.221.744.689
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	1.326.861.998	1.326.861.998
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		807.863.432	807.863.432
3. Phải thu dài hạn khác	216	8	12.473.924.232	9.087.019.259
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(1.193.861.998)	-
II. Tài sản cố định	220		22.811.677.556	28.728.072.562
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	22.535.091.004	28.588.527.852
- Nguyên giá	222		68.581.754.572	70.115.255.344
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.046.663.568)	(41.526.727.492)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	276.586.552	139.544.710
- Nguyên giá	228		971.327.000	737.191.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(694.740.448)	(597.646.290)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		61.080.760.620	41.277.092.834
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	61.080.760.620	41.277.092.834
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	295.143.885.379	299.495.784.548
1. Đầu tư vào công ty con	251		132.757.019.388	132.757.019.388
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		122.529.081.902	122.529.081.902
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		79.330.795.360	79.330.795.360
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(39.473.011.271)	(35.121.112.102)
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.518.082.491	20.263.682.120
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	5.904.675.086	19.635.780.747
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		613.407.405	627.901.373
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		793.496.252.791	785.058.404.388

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		31.330.840.342	36.551.367.225
I. Nợ ngắn hạn	310		16.660.369.555	21.512.196.438
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.091.043.394	12.263.190.315
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		102.972.569	303.955.193
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	11.425.910	12.920.082
4. Phải trả người lao động	314		3.056.193.500	1.741.284.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		503.893.756	678.593.961
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	13.466.201
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	4.565.935.993	2.329.836.905
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.328.904.433	4.168.949.781
II. Nợ dài hạn	330		14.670.470.787	15.039.170.787
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	14.670.470.787	15.039.170.787
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		762.165.412.449	748.507.037.163
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	762.165.412.449	748.507.037.163
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		769.000.000.000	769.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		769.000.000.000	769.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		659.046	659.046
3. Lỗ lũy kế	421		(6.835.246.597)	(20.493.621.883)
- LNST chưa phân phối/ (lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(20.493.621.883)	(27.031.238.056)
- LNST chưa phân phối/(lỗ) năm nay	421b		13.658.375.286	6.537.616.173
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		793.496.252.791	785.058.404.388



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		330.173.860.525	295.974.012.685
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.040.929.228	6.378.889.607
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	20	321.132.931.297	289.595.123.078
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	21	302.981.375.404	275.624.936.307
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		18.151.555.893	13.970.186.771
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	58.848.200.036	53.348.707.214
7. Chi phí tài chính	22	23	4.617.158.034	9.527.611.564
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	24	36.532.905.845	24.961.715.111
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	22.177.261.231	23.632.120.148
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		13.672.430.819	9.197.447.162
11. Thu nhập khác	31	26	3.010.849.809	841.243.136
12. Chi phí khác	32	27	3.024.905.342	3.501.074.125
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(14.055.533)	(2.659.830.989)
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.658.375.286	6.537.616.173
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
16. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		13.658.375.286	6.537.616.173



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	354.570.207.603	307.832.218.481
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(349.232.148.716)	(304.674.154.537)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(12.350.800.162)	(13.511.924.186)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.590.154.037	18.917.698.645
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(21.669.886.089)	(26.899.304.286)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(22.092.473.327)	(18.335.465.883)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(20.122.824.786)	(154.765.620)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	397.630.040	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(228.000.000.000)	(337.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	212.400.000.000	315.025.845.443
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	55.113.295.896	40.380.076.110
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19.788.101.150	17.851.155.933
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(2.304.372.177)	(484.309.950)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.040.145.600	13.524.455.550
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(4.790)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	10.735.768.633	13.040.145.600



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà, doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 495/QĐ-UB ngày 26/01/1993 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 13/12/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 13/07/2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà thành Công ty TNHH Một thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17/11/2010 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần cấp thay đổi lần thứ 06 ngày 08/07/2019, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý buôn lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong cửa hàng chuyên doanh; Đại lý bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thiết bị trường học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn dược phẩm; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng bệnh viện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Trang trí nội thất;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm lập dự toán, tổng dự toán, và chỉ phí đầu tư xây dựng công trình);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh: Sản xuất mỹ phẩm;
- Điều hành tua du lịch: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic: Sản xuất bao bì từ plastic;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hoạt động chính

- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị phụ thuộc của Công ty

Công ty có 01 đơn vị phụ thuộc: Nhà máy nước tinh khiết Opal; Địa chỉ: Số 300 Trường Chinh, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nước tinh khiết.

Danh sách các Công ty con

1. Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội;
2. Công ty Cổ phần Trảng An;
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế.

Danh sách các Công ty liên kết

1. Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà;
2. Công ty Cổ phần Đồng Tháp;
3. Công ty Cổ phần Bìa và Nước giải khát Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội.

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 5.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đơn vị trực thuộc (Nhà máy nước tinh khiết Opal) có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán độc lập. Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Công ty, không tổng hợp số liệu của đơn vị hạch toán độc lập.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo Công ty, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Văn phòng Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, Ban Lãnh đạo Công ty đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Văn phòng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phân thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Văn phòng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Văn phòng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Văn phòng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của phần mềm máy tính. Các phần mềm này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Văn phòng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và chi phí sửa chữa tài sản được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Văn phòng Công ty với thời hạn không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 phân bổ trong vòng 03 năm; giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Văn phòng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Văn phòng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Văn phòng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Văn phòng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Văn phòng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có khoản lỗ lũy kế tính thuế chưa sử dụng là 74.674.572.950 VND có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên trong báo cáo này, Công ty không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho số lỗ này do Công ty chưa chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	76.548.340	190.873.618
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.254.194.371	5.849.271.982
Tiền đang chuyển	705.025.922	-
Các khoản tương đương tiền (i)	5.700.000.000	7.000.000.000
Cộng	10.735.768.633	13.040.145.600

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống với lãi suất 5%/năm tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngắn hạn	353.000.000.000	353.000.000.000	337.400.000.000	337.400.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	353.000.000.000	353.000.000.000	337.400.000.000	337.400.000.000

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá gốc (i)	Giá trị số sách (ii)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc (i)	Giá trị số sách (ii)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác												
- Đầu tư vào công ty con												
Công ty CP Bánh Mút Kẹo Hà Nội	131.169.900.000	132.757.019.388	(36.648.926.159)						131.169.900.000	132.757.019.388	(32.548.662.990)	
Công ty CP Tráng An	8.925.000.000	22.750.513.031					53.907.000.000		8.925.000.000	22.750.513.031		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	11.491.000.000	52.136.859.827					(*)		11.491.000.000	52.136.859.827		
Công ty CP Rượu Quốc tế	18.603.900.000	23.591.020.260	(23.591.020.260)				(*)		18.603.900.000	23.591.020.260	(23.591.020.260)	
	92.150.000.000	34.278.626.270	(13.057.905.899)				(*)		92.150.000.000	34.278.626.270	(8.957.642.730)	
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	114.275.600.000	122.529.081.902	(2.824.085.112)						114.275.600.000	122.529.081.902	(2.572.449.112)	
Công ty CP Giấy Ngọc Hà	5.572.000.000	7.970.798.009					(*)		5.572.000.000	7.970.798.009		
Công ty CP Đồng Tháp	3.540.000.000	-					(*)		3.540.000.000	-		
Công ty CP Bía và Nước giải khát Việt Hà	80.000.000.000	85.312.418.781					(*)		80.000.000.000	85.312.418.781		
Công ty CP Dược phẩm Hà Nội	25.163.600.000	29.245.865.112	(2.824.085.112)				26.421.780.000		25.163.600.000	29.245.865.112	(2.572.449.112)	
- Đầu tư vào đơn vị khác	55.380.500.000	79.330.795.360							55.380.500.000	79.330.795.360		
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	4.116.500.000	4.427.249.874					(*)		4.116.500.000	4.427.249.874		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	37.264.000.000	60.894.782.516					(*)		37.264.000.000	60.894.782.516		
Công ty CP Đô thị sinh thái Văn Nội	14.000.000.000	14.008.762.970					(*)		14.000.000.000	14.008.762.970		
Cộng	300.826.000.000	334.616.896.650	(39.473.011.271)						300.826.000.000	334.616.896.650	(35.121.112.102)	

Ghi chú:

- (i) Giá gốc các khoản đầu tư theo số liệu trước thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần.
(ii) Giá trị các khoản đầu tư ghi nhận trên sổ sách theo số liệu bàn giao từ Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty Cổ phần.
(*) Giá trị hợp lý:

- Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bánh Mút Kẹo Hà Nội và Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội có giá niêm yết trên thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán thì giá trị hợp lý được xác định là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi;
- Đối với các khoản đầu tư còn lại, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty con/ công ty liên doanh/ công ty liên kết trong năm:

Trong năm 2019, các Công ty đều hoạt động có lãi ngoại trừ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà, Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế và Công ty Cổ phần Đồng Tháp.

Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Đồng Tháp, Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà, Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội và Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội chưa được kiểm toán. Báo cáo của Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà và Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.

Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này Công ty vẫn chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của các công ty nhận đầu tư bao gồm: Công ty Cổ phần Đô thị sinh thái Văn Nội.

c) Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
<i>Đầu tư vào công ty con</i>					
Công ty Cổ phần Bánh Mút Kẹo Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	892.500	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh các loại bánh, mứt, kẹo
Công ty Cổ phần Tráng An	Quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	1.149.100	51,76%	51,76%	Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất cacao, socola và mứt kẹo
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Quận Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	1.860.390	88,59%	88,59%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh	9.215.000	68,44%	68,44%	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>					
Công ty Cổ phần Giấy Ngọc Hà	Huyện Gia Lâm, Tp. Hà Nội	557.200	29,33%	29,33%	Sản xuất giấy dếp
Công ty Cổ phần Đồng Tháp	Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	354.000	25,29%	25,29%	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh	8.000.000	37,23%	37,23%	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	2.516.360	40,00%	40,00%	Sản xuất, kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh phục vụ sức khỏe

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>3.829.848.396</i>	<i>4.897.157.638</i>
Chi nhánh Hà Nội - Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp VINCOMMERCE	877.921.782	423.380.938
Công ty TNHH Trần Liên Hưng	255.237.803	255.237.803
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng và Dịch vụ Thương mại T&T	245.994.823	979.728.001
Công ty CP Rượu Quốc tế	188.688.028	188.688.028
Nhà máy Bia Đông Nam Á	164.253.835	164.253.835
NPP Ngõ Đức Thuận	105.710.002	105.710.002
Phải thu các đối tượng khác	1.992.042.123	2.780.159.031

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.202.687.012	816.294.225
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phương Vinh	750.205.763	-
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Đông Anh	511.417.920	303.025.500
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng Và Dịch vụ Thương mại T&T	388.467.520	-
Các đối tượng khác	552.595.809	513.268.725
b) Trả trước cho người bán dài hạn	1.326.861.998	1.326.861.998
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	1.030.636.998	1.030.636.998
Các đối tượng khác	296.225.000	296.225.000

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	15.601.318.701	1.215.261.342	15.550.007.676	861.295.342
Tạm ứng	1.719.892.444	905.657.851	2.146.810.444	551.691.851
Ký cược, ký quỹ	12.000.000	-	-	-
Bảo hiểm xã hội	7.599.457	-	39.738.886	-
Bảo hiểm y tế	-	-	8.230.929	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-	6.282.885	-
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	2.068.380.000	-	1.633.280.000	-
Phải thu khác	11.793.446.800	309.603.491	11.715.664.532	309.603.491
- Lãi tiền gửi ngân hàng	11.340.393.235	-	11.242.041.095	-
- Phải thu các đối tượng khác	453.053.565	309.603.491	473.623.437	309.603.491
b) Dài hạn	12.473.924.232	-	9.087.019.259	-
Công ty CP Thăng Long - Đông Anh (i)	12.473.924.232	-	9.087.019.259	-

Ghi chú:

- (i) Khoản tiền thuê đất và thuế đất trả thay cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh theo Hợp đồng góp vốn số 27/2009/HĐGV ngày 30/07/2009 về việc hợp tác đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh” và Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15/09/2016, Phụ lục I ngày 16/09/2016 về việc Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình trong Dự án cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh.

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.630.235.365	100.320.000	3.630.235.365	602.465.803
Công ty TNHH Trần Liên Hưng	255.237.803	-	255.237.803	-
Ông Phan Quang Lễ	309.603.491	-	309.603.491	-
Ông Lê Khắc Huy	495.103.751	-	495.103.751	-
Ông Đỗ Đức Chiến	353.966.000	-	353.966.000	353.966.000
Các đối tượng khác	2.216.324.320	100.320.000	2.216.324.320	248.499.803
b) Dài hạn	1.193.861.998	-	1.193.861.998	1.193.861.998
Công ty CP Đầu tư xây dựng và kỹ thuật Vinaconex	1.030.636.998	-	1.030.636.998	1.030.636.998
Trung tâm kiểm định chất lượng và KTXD	163.225.000	-	163.225.000	163.225.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	64.322.524	-	84.862.656	-
Công cụ, dụng cụ	1.453.004.726	-	1.634.447.006	-
Chi phí SXKD dở dang	2.957.014	-	3.658.395	-
Hàng hóa	564.470.391	-	877.654.781	-
Hàng gửi bán	342.495.710	342.495.710	364.379.356	342.495.710
Cộng	2.427.250.365	342.495.710	2.965.002.194	342.495.710

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	480.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	480.000	-
b) Dài hạn	5.904.675.086	19.635.780.747
Lợi thế kinh doanh (i)	2.825.854.120	14.411.856.022
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.118.728.475	4.511.551.794
Chi phí trả trước dài hạn khác	960.092.491	712.372.931

Ghi chú:

- (i) Lợi thế kinh doanh được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	26.188.458.592	35.511.243.185	5.325.000.636	3.090.552.931	70.115.255.344
- Mua trong năm	40.358.000	39.500.000	-	41.163.000	121.021.000
- Giảm khác (i)	(1.654.521.772)	-	-	-	(1.654.521.772)
Số dư cuối năm	24.574.294.820	35.550.743.185	5.325.000.636	3.131.715.931	68.581.754.572
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	10.344.443.311	24.966.809.785	3.996.176.408	2.219.297.988	41.526.727.492
- Khấu hao trong năm	1.236.305.004	3.271.152.723	592.287.144	191.185.730	5.290.930.601
- Giảm khác (i)	(770.994.525)	-	-	-	(770.994.525)
Số dư cuối năm	10.809.753.790	28.237.962.508	4.588.463.552	2.410.483.718	46.046.663.568
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	15.844.015.281	10.544.433.400	1.328.824.228	871.254.943	28.588.527.852
Số dư cuối năm	13.764.541.030	7.312.780.677	736.537.084	721.232.213	22.535.091.004

Ghi chú:

- (i) Giảm khác thể hiện khoản điều chỉnh giảm tài sản do giải phóng mặt bằng theo Quyết định số 4074/QĐ-UBND ngày 06/9/2019 của UBND quận Hai Bà Trưng về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng đường Vành đai II (đoạn Vĩnh Tuy - Chợ Mơ - Ngã Tư Vọng), phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.
- (ii) Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2019 là 2.573.390.175 VND (Tại ngày 31/12/2018 là 2.086.546.183 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	737.191.000	737.191.000
- Mua trong năm	234.136.000	234.136.000
Số dư cuối năm	971.327.000	971.327.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	597.646.290	597.646.290
- Khấu hao trong năm	97.094.158	97.094.158
Số dư cuối năm	694.740.448	694.740.448
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	139.544.710	139.544.710
Số dư cuối năm	276.586.552	276.586.552

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2019 là 262.500.000 VND (Tại ngày 31/12/2018 là 262.500.000 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án 87 Lĩnh Nam (i)	40.082.411.819	40.057.876.364
Dự án vườn sinh thái Việt Hà	818.797.798	749.157.798
Dự án xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh (ii)	20.048.171.912	363.952.308
Dự án cải tạo khu làm việc và SXKD 254 Minh Khai	131.379.091	106.106.364
Cộng	61.080.760.620	41.277.092.834

Ghi chú:

- (i) Trong đó bao gồm 40.000.000.000 VND là khoản quyền lợi Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà được hưởng khi thực hiện dự án tại số 87 phố Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2014.
- (ii) Theo Quyết định số 4646/QĐ-UBND ngày 25/08/2016 của UBND thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư dự án “Tổ hợp thương mại, dịch vụ kết hợp giới thiệu sản phẩm Công ty Đầu tư Việt Hà” tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội với tổng mức đầu tư là 184,9 tỷ VND. Trong năm 2019 Công ty đang thực hiện công tác thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp với người dân, tính đến thời điểm ngày 31/12/2019, công tác thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vẫn chưa hoàn thành.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	6.091.043.394	6.091.043.394	12.263.190.315	12.263.190.315
Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	4.987.474.161	4.987.474.161	9.183.572.538	9.183.572.538
Công ty CP Rượu Quốc tế	187.976.800	187.976.800	499.960.240	499.960.240
Công ty TNHH Một thành viên HT-VINA	170.812.350	170.812.350	486.677.854	486.677.854
Phải trả cho các đối tượng khác	744.780.083	744.780.083	2.092.979.683	2.092.979.683

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	VND	trong năm	trong năm	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	61.175.400	61.175.400	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.739.420	835.768.140	838.007.019	7.500.541
Thuế tài nguyên	2.999.048	50.152.907	49.402.819	3.749.136
Các loại thuế khác	181.614	3.824.691	3.830.072	176.233
Cộng	12.920.082	950.921.138	952.415.310	11.425.910
b) Phải thu				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.942.880.224	1.744.791.406	659.830.891	2.857.919.709
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	6.366.089.680	190.010.709	190.010.709	6.366.089.680
Cộng	10.308.969.904	1.934.802.115	849.841.600	9.224.009.389

17. PHẢI TRẢ KHÁCH

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.565.935.993	2.329.836.905
Kinh phí công đoàn	65.736.000	66.356.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.500.199.993	2.263.480.905
- Chiết khấu thương mại phải trả (i)	4.261.081.070	2.027.519.640
- Các đối tượng khác	239.118.923	235.961.265
b) Dài hạn	14.670.470.787	15.039.170.787
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.870.470.787	10.239.170.787
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.800.000.000	4.800.000.000
- Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh (ii)	4.800.000.000	4.800.000.000

Ghi chú:

- (i) Chiết khấu thương mại phải trả khách hàng năm 2019.
- (ii) Khoản góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh theo Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15/09/2016 và Phụ lục I ngày 16/09/2016 về việc xác định nghĩa vụ tài chính phải trả về việc hợp tác đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh”.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (Trình bày lại)	769.000.000.000	659.046	(27.031.238.056)	741.969.420.990
Lãi trong năm (Trình bày lại)	-	-	6.537.616.173	6.537.616.173
Số dư đầu năm nay	769.000.000.000	659.046	(20.493.621.883)	748.507.037.163
Lãi trong năm	-	-	13.658.375.286	13.658.375.286
Số dư cuối năm nay	769.000.000.000	659.046	(6.835.246.597)	762.165.412.449

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 06 ngày 08/07/2019, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2019, vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	392.502.000.000	392.502.000.000
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	277.580.890.000	277.580.890.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không	96.575.310.000	96.575.310.000
Các đối tượng khác	2.341.800.000	2.341.800.000
Cộng	769.000.000.000	769.000.000.000

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	87,02	93,62

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	330.173.860.525	295.974.012.685
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	283.768.212.302	250.180.742.946
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.405.648.223	45.793.269.739
Cộng	330.173.860.525	295.974.012.685
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	9.040.929.228	6.378.889.607
<u>Trong đó:</u>		
- Chiết khấu thương mại	9.030.296.188	6.279.789.159
- Hàng bán bị trả lại	10.633.040	99.100.448
Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ	321.132.931.297	289.595.123.078

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	255.694.201.748	227.743.299.342
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	47.287.173.656	47.539.141.255
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	342.495.710
Cộng	302.981.375.404	275.624.936.307

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.571.083.014	24.610.706.165
Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.275.665.022	28.653.243.161
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.452.000	1.186.311
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	83.571.577
Cộng	58.848.200.036	53.348.707.214

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính (i)	4.351.899.169	9.372.020.368
Lỗ chênh lệch tỷ giá	70.790	-
Chi phí tài chính khác	265.188.075	155.591.196
Cộng	4.617.158.034	9.527.611.564

Ghi chú: (i) Dự phòng khoản đầu tư góp vốn tại doanh nghiệp khác như trình bày tại Thuyết minh số 5.

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	13.060.741.331	13.595.664.493
Chi phí đồ dùng văn phòng	627.690.539	700.764.119
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.555.733.850	1.561.656.492
Thuế, phí và lệ phí	60.829.407	68.506.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.380.577.435	1.188.573.882
Chi phí dự phòng	1.696.007.801	3.027.769.562
Các khoản chi phí QLDN khác	3.795.680.868	3.489.185.366
Cộng	22.177.261.231	23.632.120.148
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	11.115.859.723	9.628.538.459
Chi phí vật tư, đồ dùng	4.544.019.021	3.936.255.842
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.231.332.821	2.265.341.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.257.251.090	1.913.830.841
Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	11.586.001.902	1.695.512.472
Các khoản chi phí bán hàng khác	4.798.441.288	5.522.235.772
Cộng	36.532.905.845	24.961.715.111

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.408.791.856	4.728.799.902
Chi phí nhân công	24.445.651.345	23.427.629.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.819.117.555	3.856.227.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.986.843.956	50.762.135.691
Chi phí khác bằng tiền	8.713.631.507	5.144.141.359
Chi phí dự phòng	1.696.007.801	3.370.265.272
Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	11.586.001.902	1.695.512.472
Cộng	106.656.045.922	92.984.711.518

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thanh lý Công cụ dụng cụ	154.090.909	396.363.636
Các khoản thưởng, hỗ trợ bán hàng	2.578.761.356	-
Điều chỉnh xác định giá trị doanh nghiệp	-	153.796.000
Các khoản khác	277.997.544	291.083.500
Cộng	3.010.849.809	841.243.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ, CCDC giảm do giải phóng mặt bằng	1.022.438.860	-
Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất kinh doanh	1.568.907.204	1.568.907.204
Các khoản bị phạt	201.540.477	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	538.613.107
Tiền thuê đất 96 Hàng Trống bổ sung	-	1.131.349.905
Các khoản khác	232.018.801	262.203.909
Cộng	3.024.905.342	3.501.074.125

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại) VND
Lợi nhuận/ (lỗ) kế toán trước thuế	13.658.375.286	6.537.616.173
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(29.561.018.596)	(20.622.714.331)
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	2.719.695.226	8.025.480.030
- Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	405.851.480	346.909.000
- Khấu hao TSCĐ không tham gia sản xuất kinh doanh	1.891.295.748	2.005.850.910
- Tiền thuê đất 96 Hàng Trống bổ sung	-	1.131.349.905
- Chi phí dự phòng không có hồ sơ và chưa đủ cơ sở trích lập	-	3.370.265.272
- Các khoản chi phí không được trừ khác	422.547.998	1.171.104.943
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	32.280.713.822	28.648.194.361
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.275.665.022	28.653.243.161
- Công nợ không phải trả	5.048.800	(5.048.800)
Thu nhập chịu thuế	(15.902.643.310)	(14.085.098.158)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 sau khi đã loại trừ các khoản chi phí không được trừ tạm tính là 2.719.695.226 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

29. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các khoản lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	(Trình bày lại) (i) VND
Các khoản lỗ lũy kế	74.674.572.950	82.584.977.447
Cộng	74.674.572.950	82.584.977.447

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 để tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Văn phòng Công ty. Do Văn phòng Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Văn phòng Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ (TIẾP THEO)

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã chuyển	Số lỗ tính thuế còn được chuyển
		VND	VND	VND
2015 (Đã quyết toán)	2016 - 2020	4.962.644.464	-	4.962.644.464
2016 (Đã quyết toán)	2017 - 2021	17.133.730.042	-	17.133.730.042
2017 (Đã quyết toán) (i)	2018 - 2022	22.590.456.976	-	22.590.456.976
2018 (Đã quyết toán) (i)	2019 - 2023	14.085.098.158	-	14.085.098.158
2019 (Chưa quyết toán)	2020 - 2024	15.902.643.310	-	15.902.643.310
Cộng		74.674.572.950	-	74.674.572.950

Ghi chú:

- (i) Trình bày lại theo Quyết định số 47939/QĐ-CT-TKT4 ngày 20/06/2019 và Biên bản kiểm tra thuế ngày 14/06/2019 của Cục thuế Thành phố Hà Nội. Theo đó, Cơ quan thuế đã loại trừ một số khoản chi phí trong đó bao gồm khoản chi phí dự phòng đầu tư tài chính năm 2018 tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà là 15.097.213.036 VND. Nguyên nhân do Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà hạch toán tiền thuê đất bị truy thu từ ngày 12/10/2006 đến ngày 31/12/2017 vào năm tài chính 2018 số tiền 74.564.497.590 VND. Nếu sau này có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đồng thời, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà đã trình bày lại khoản tiền thuê đất và thuế đất phi nông nghiệp truy thu từ ngày 12/10/2006 đến ngày 31/12/2017 vào chi phí khác năm 2017 theo Kết luận thanh tra thuế số 97157/KL-CT-TKT6 ngày 27/12/2019, số tiền 75.513.879.662 VND. Theo đó, tương ứng Công ty trình bày lại khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà vào chi phí tài chính năm 2017 số tiền 23.591.020.260 VND.

Khoản chênh lệch chi phí dự phòng đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà so với số Cơ quan thuế đã loại trừ 8.493.807.224 VND, Công ty đã điều chỉnh giảm số lỗ tính thuế phát sinh năm 2018. Công ty sẽ giải trình vấn đề này với Cơ quan thuế trong thời gian tới.

Số lỗ còn được chuyển sẽ có thể thay đổi theo kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(10.735.768.633)	(13.040.145.600)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	762.165.412.449	748.507.037.163
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.735.768.633	13.040.145.600
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.655.283.520	24.359.604.567
Đầu tư tài chính ngắn hạn	353.000.000.000	337.400.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	295.143.885.379	299.495.784.548
Cộng	685.534.937.532	674.295.534.715
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	25.327.450.174	29.632.198.007
Chi phí phải trả	503.893.756	678.593.961
Cộng	25.831.343.930	30.310.791.968

Văn phòng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Văn phòng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Văn phòng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Văn phòng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Văn phòng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Văn phòng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Văn phòng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi. Văn phòng Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Văn phòng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Văn phòng Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Văn phòng Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Văn phòng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Văn phòng Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Lãnh đạo Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Văn phòng Công ty bị tổn thất về tài chính. Văn phòng Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Văn phòng Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Văn phòng Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Văn phòng Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Văn phòng Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Văn phòng Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Văn phòng Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Văn phòng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Văn phòng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Văn phòng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Văn phòng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.735.768.633	-	10.735.768.633
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.181.359.288	12.473.924.232	26.655.283.520
Đầu tư tài chính ngắn hạn	353.000.000.000	-	353.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	295.143.885.379	295.143.885.379
Cộng	377.917.127.921	307.617.809.611	685.534.937.532
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	10.656.979.387	14.670.470.787	25.327.450.174
Chi phí phải trả	503.893.756	-	503.893.756
Cộng	11.160.873.143	14.670.470.787	25.831.343.930
Chênh lệch thanh khoản thuần	366.756.254.778	292.947.338.824	659.703.593.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.040.145.600	-	13.040.145.600
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.272.585.308	9.087.019.259	24.359.604.567
Đầu tư tài chính ngắn hạn	337.400.000.000	-	337.400.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	299.495.784.548	299.495.784.548
Cộng	365.712.730.908	308.582.803.807	674.295.534.715
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	14.593.027.220	15.039.170.787	29.632.198.007
Chi phí phải trả	678.593.961	-	678.593.961
Cộng	15.271.621.181	15.039.170.787	30.310.791.968
Chênh lệch thanh khoản thuần	350.441.109.727	293.543.633.020	643.984.742.747

Ban Lãnh đạo đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 31/12/2019 ở mức thấp.

31. THÔNG TIN KHÁC

Liên quan đến khoản đầu tư vào Dự án 87 Lĩnh Nam được trình bày tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, theo Công văn số 1332/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 26/02/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường cũng như Kết luận thanh tra số 1468/KL-TTCT ngày 04/09/2018 của Thanh tra Chính phủ thì Dự án 87 Lĩnh Nam có những vi phạm trong xây dựng như:

- Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam làm đại diện chủ đầu tư liên danh chủ đầu tư theo Hợp đồng ủy quyền để ký hợp đồng mua bán với người mua nhà khi chưa có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền;
- Sở Quy hoạch - Kiến trúc chấp nhận phương án kiến trúc sơ bộ điều chỉnh dự án và Sở Xây dựng đã cấp phép xây dựng có thêm các tầng kỹ thuật, chấp thuận cho chủ đầu tư xây dựng 02 tầng hầm chung liên thông của 04 Tòa nhà vượt chỉ giới xây dựng 3m là vi phạm về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;
- Chủ đầu tư xây dựng tầng kỹ thuật (tại tầng 5) Tòa nhà HH-01, tầng kỹ thuật (tại tầng 2) Tòa nhà N03 có chiều cao tầng 0,9m so với phương án kiến trúc là vi phạm Luật Xây dựng;
- Liên ngành gồm Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và Cục thuế trình UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tiền sử dụng đất tại Quyết định số 3433/QĐ-UBND ngày 21/07/2011 là không đúng với quy định tại Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06/12/2007 với số tiền là 276.395,89 triệu VND.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã đề nghị Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam và Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà khẩn trương liên hệ, phối hợp với các Sở, ban ngành để được hướng dẫn khắc phục các nội dung sai phạm còn tồn tại nêu trên. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã và đang đôn đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Kỹ thuật Việt Nam; Đồng thời sẵn sàng phối hợp trong việc liên hệ với các Sở, ban ngành để được hướng dẫn khắc phục các nội dung sai phạm trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính văn phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh được trình bày lại do Cơ quan thuế đã có kết luận thanh tra thuế tại Công ty con của Công ty - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Trình bày lại VND	Số sau trình bày lại VND
Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2018				
LNST chưa phân phối/ (lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a	(3.440.217.796)	(23.591.020.260)	(27.031.238.056)
LNST chưa phân phối/(lỗ) năm nay	421b	(17.053.404.087)	23.591.020.260	6.537.616.173
Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018				
Chi phí tài chính	22	33.118.631.824	(23.591.020.260)	9.527.611.564
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(17.053.404.087)	23.591.020.260	6.537.616.173

Ghi chú: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà đã trình bày lại khoản tiền thuê đất và thuế đất phi nông nghiệp truy thu từ ngày 12/10/2006 đến ngày 31/12/2017 vào chi phí khác năm 2017 theo Kết luận thanh tra thuế số 97157/KL-CT-TKT6 ngày 27/12/2019, số tiền 75.513.879.662 VND. Theo đó, tương ứng Công ty trình bày lại khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà vào chi phí tài chính năm 2017 số tiền 23.591.020.260 VND.



Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Lê Văn Đạt
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

